

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-40

1001  
CÔ  
RÁCH N  
HÀNG I  
A.  
QUẢN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Miền Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở của Công ty tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Khai	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thái	Thành viên	
Ông Phan Văn Vũ	Thành viên	
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Lê Công Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Thái	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Huỳnh Anh Dũng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Đào Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Lê Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Nguyễn Thành Đô	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2017

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



**Công ty Cổ phần Miền Đông**

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thái

Y  
C  
U  
H  
A  
N  
H  
A  
N

Số: 2178 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Miền Đông**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Miền Đông được lập ngày 31 tháng 08 năm 2017 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miền Đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2017  
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-13-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>157.623.904.404</b>	<b>150.602.813.108</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>46.487.486.329</b>	<b>21.486.136.562</b>
111	1. Tiền		33.471.186.596	12.686.136.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.016.299.733	8.800.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>15.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	15.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>66.604.585.772</b>	<b>54.737.845.098</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	63.228.893.731	51.277.100.989
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7.959.888.727	7.151.165.499
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.500.000.000	2.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.115.116.176	3.942.609.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.199.312.862)	(10.133.030.413)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>44.375.729.957</b>	<b>59.378.831.448</b>
141	1. Hàng tồn kho		44.375.729.957	59.378.831.448
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>156.102.346</b>	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	156.102.346	-

30/06/2017  
 CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG  
 BAN GIÁM ĐỐC

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>121.813.332.511</b>	<b>118.271.426.296</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>976.119.742</b>	<b>882.492.644</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	976.119.742	882.492.644
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.094.557.681</b>	<b>29.489.886.966</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.466.674.357	28.854.170.306
222	- Nguyên giá		42.323.574.398	43.579.897.198
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.856.900.041)	(14.725.726.892)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	627.883.324	635.716.660
228	- Nguyên giá		786.148.900	786.148.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(158.265.576)	(150.432.240)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>12.545.872.192</b>	-
231	- Nguyên giá		12.787.531.532	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(241.659.340)	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>13.335.885.787</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	13.335.885.787
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>9.851.020.000</b>	<b>11.259.132.514</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.895.000.000	3.895.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.250.000.000	8.032.200.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.634.600.000	-
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(928.580.000)	(668.067.486)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>70.345.762.896</b>	<b>63.304.028.385</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	62.115.384.938	55.073.650.427
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	8.230.377.958	8.230.377.958
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>279.437.236.915</b>	<b>268.874.239.404</b>

117C  
 CÔNG TY  
 KIỂM H  
 KIỂM  
 AS  
 TÊM

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		141.839.878.697	130.323.979.263
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		141.839.878.697	130.323.979.263
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.630.868.714	21.744.155.320
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	49.237.433.926	16.601.508.688
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	31.988.541.815	28.330.668.828
314	4. Phải trả người lao động		352.315.711	539.302.046
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		5.821.606	339.048.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		38.181.822	70.909.094
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.853.887.618	7.088.806.127
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	24.051.999.429	51.735.935.104
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.330.836.866	2.330.836.866
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.349.991.190	1.542.809.190
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		137.597.358.218	138.550.260.141
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	137.597.358.218	138.550.260.141
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		108.890.310.000	108.890.310.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108.890.310.000	108.890.310.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.453.130.042	1.453.130.042
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.967.507.603)	(2.967.507.603)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		27.207.602.803	25.576.891.803
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.013.822.976	5.597.435.899
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(2.043.635.601)	(925.409.556)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.057.458.577	6.522.845.455
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>279.437.236.915</b>	<b>268.874.239.404</b>

S. C.  
 Y  
 T. H. A. N.  
 T. O. A. N.  
 C.  
 P. H. A. N.

Người lập



Khúc Thị Thanh Hoài

Kế toán trưởng



Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thái



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	119.283.268.071	101.930.758.282
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.283.268.071	101.930.758.282
11	4. Giá vốn hàng bán	23	95.455.956.770	86.870.050.180
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.827.311.301	15.060.708.102
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	162.127.228	92.624.479
22	7. Chi phí tài chính	25	1.758.922.163	3.875.388.833
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.350.809.649	3.062.018.387
24	8. Chi phí bán hàng	26	6.235.171.833	5.755.956.970
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	6.796.319.586	4.917.774.253
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.199.024.947	604.212.525
31	11. Thu nhập khác	28	403.284.937	3.324.703.364
32	12. Chi phí khác	29	1.438.230.320	50.094.995
40	13. Lợi nhuận khác		(1.034.945.383)	3.274.608.369
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.164.079.564	3.878.820.894
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.106.620.987	717.809.097
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.057.458.577</u>	<u>3.161.011.797</u>

Người lập

Khúc Thị Thanh Hoài

Kế toán trưởng

Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thái

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.164.079.564	3.878.820.894
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.636.988.625	1.427.435.986
03	- Các khoản dự phòng		2.326.794.963	813.370.446
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(99.972.682)	(691.327.438)
06	- Chi phí lãi vay		1.350.809.649	3.062.018.387
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.378.700.119	8.490.318.275
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.178.680.082)	12.907.091.709
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.215.569.959	(10.817.938.532)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		33.770.788.097	3.402.077.274
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.138.048.930	5.506.926.075
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.350.809.649)	(3.062.018.387)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.647.146.475)	(1.966.446.337)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	14.208.608
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.040.788.000)	(540.747.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.285.682.899	13.933.471.485
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.231.210.763)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		85.445.454	1.320.000.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.000.000.000	1.782.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.095.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		314.157.089	92.624.479
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.399.602.543	(131.586.284)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		48.126.769.506	73.811.903.036
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(75.810.705.181)	(82.312.175.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.683.935.675)	(8.500.272.314)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		25.001.349.767	5.301.612.887

100%  
CÔ  
RÁCH N  
HÀNG I  
A  
OANK

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.486.136.562	17.075.482.681
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	46.487.486.329	22.377.095.568

Người lập

Khúc Thị Thanh Hoài

Kế toán trưởng

Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thái



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Miền Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600256545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở của Công ty tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 108.890.310.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 108.890.310.000 đồng; tương đương 10.889.031 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Sản xuất đá Miền Đông Áp 3, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Y  
U H A N  
T O A N  
H A

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm, công trình chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |   |             |
|---|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc                          | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị                               | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn                 | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý                       | 03 - 07 năm |
| - Phần mềm quản lý                                | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. |             |



Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa 25 năm

#### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào thu nhập khác theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.18 . Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	882.083.000	615.213.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.589.103.596	12.070.923.562
Các khoản tương đương tiền (*)	13.016.299.733	8.800.000.000
	<u>46.487.486.329</u>	<u>21.486.136.562</u>

CHÍNH SÁCH AN

(\*) Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2017 bao gồm:

- + Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa, số tiền 2.016.299.733 đồng, lãi suất 4,8%/ năm.
- + Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 11.000.000.000 đồng, lãi suất 4,3%/năm. Trong đó, có 4.000.000.000 đồng được ký quỹ để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

#### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỳ Hòa	7.541.439.861	7.096.365.090
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quốc tế Việt Nhật	3.308.838.837	1.193.471.502
- Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	2.167.987.767	2.167.987.767
- Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	1.338.412.627	2.938.783.453
- Công ty TNHH Phúc Đạt	6.825.287.610	6.825.287.610
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty cổ phần	7.690.000.830	10.053.341.341
- Các khoản phải thu khách hàng khác	34.356.926.199	21.001.864.226
	<b>63.228.893.731</b>	<b>51.277.100.989</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>7.690.000.830</b>	<b>10.053.341.341</b>

#### 5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	-	-	2.187.830.854	-
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	4.095.509.122	-	1.496.956.926	-
Các đối tượng khác	3.864.379.605	(2.279.916.573)	3.466.377.719	(1.965.876.219)
	<b>7.959.888.727</b>	<b>(2.279.916.573)</b>	<b>7.151.165.499</b>	<b>(1.965.876.219)</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>4.095.509.122</b>	<b>-</b>	<b>3.684.787.780</b>	<b>-</b>



**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÁN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	500.000.000	500.000.000
	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi cho vay	136.344.250	-	288.374.111	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	-	-	15.138.889	-
+ Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	102.316.472	-	97.000.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	-	-	38.194.444	-
+ Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	34.027.778	-	138.040.778	-
- Tạm ứng	3.172.409.707	-	1.247.770.793	-
- Phải thu khác	1.806.362.219	(887.869.710)	2.406.464.119	(54.278.378)
	<b>5.115.116.176</b>	<b>(887.869.710)</b>	<b>3.942.609.023</b>	<b>(54.278.378)</b>

**b) Dài hạn**

- Kỳ cược, ký quỹ

	976.119.742	-	882.492.644	-
	<b>976.119.742</b>	-	<b>882.492.644</b>	-
	<b>148.124.767</b>	-	<b>273.235.222</b>	-

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)



8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Phúc Đạt	6.825.287.610	-	6.825.287.610	-
- Ban quản lý Dự án thủy điện Buôn Tuasrah	918.650.763	-	-	-
- Công ty CP Hân Liên	796.000.000	-	796.000.000	-
- Lâm Nhật Trường	301.165.310	-	-	-
- Vũ Trung Chính	372.426.022	-	-	-
- Đỗ Thanh Việt	240.000.000	-	240.000.000	-
- Các khoản khác	2.745.783.157	-	2.271.742.803	-
	<b>12.199.312.862</b>	<b>-</b>	<b>10.133.030.413</b>	<b>-</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang <sup>(*)</sup>	30.047.281.468	-	32.262.851.427	-
Hàng hóa bất động sản	14.328.448.489	-	27.115.980.021	-
	<b>44.375.729.957</b>	<b>-</b>	<b>59.378.831.448</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Khu dân cư tại Khu phố 3, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa	24.677.609.646	16.805.872.654
Dự án Khu dân cư khu phố 2 và khu phố 3, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa	-	3.582.266.722
Dự án Khu tái định cư 2,7 ha tại phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa	2.542.619.288	2.542.619.288
Công trình Trụ sở Công ty Xổ số Kiến thiết TP Hồ Chí Minh	-	7.891.101.770
Công trình Chung cư cao tầng đường 18	692.706.805	692.706.805
Công trình Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	642.367.662	642.367.662
Chi phí dở dang khác	1.491.978.067	105.916.526
	<b>30.047.281.468</b>	<b>32.262.851.427</b>

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	17.765.826.356	19.819.323.110	5.133.666.522	861.081.210	43.579.897.198					
- Phân loại lại	-	273.731.602	-	(273.731.602)	-					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.256.322.800)	-	-	(1.256.322.800)					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.765.826.356</b>	<b>18.836.731.912</b>	<b>5.133.666.522</b>	<b>587.349.608</b>	<b>42.323.574.398</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	4.289.233.923	5.763.851.292	3.828.077.713	844.563.964	14.725.726.892					
- Khấu hao trong kỳ	482.932.134	700.007.455	200.616.984	3.939.376	1.387.495.949					
- Phân loại lại	-	261.153.732	-	(261.153.732)	-					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.256.322.800)	-	-	(1.256.322.800)					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.772.166.057</b>	<b>5.468.689.679</b>	<b>4.028.694.697</b>	<b>587.349.608</b>	<b>14.856.900.041</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	13.476.592.433	14.055.471.818	1.305.588.809	16.517.246	28.854.170.306					
Tại ngày cuối kỳ	<b>12.993.660.299</b>	<b>13.368.042.233</b>	<b>1.104.971.825</b>	<b>-</b>	<b>27.466.674.357</b>					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 27.051.113.057 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.084.196.108 đồng.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	608.300.000	177.848.900	786.148.900
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>608.300.000</u>	<u>177.848.900</u>	<u>786.148.900</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	150.432.240	150.432.240
- Khấu hao trong kỳ	-	7.833.336	7.833.336
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>-</u>	<u>158.265.576</u>	<u>158.265.576</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	608.300.000	27.416.660	635.716.660
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<u>608.300.000</u>	<u>19.583.324</u>	<u>627.883.324</u>

(\*) Quyền sử dụng đất tại số N3/4, Khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 608.300.000 đồng.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là các căn hộ chung cư cho thuê. Tại thời điểm 30/06/2017, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 12.787.531.532 đồng và 241.659.340 đồng.





**Công ty Cổ phần Miền Đông**

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	3.895.000.000	-	3.895.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	800.000.000	-	800.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	800.000.000	-	800.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	765.000.000	-	765.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	1.530.000.000	-	1.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng <sup>(1)</sup>	2.250.000.000	(928.580.000)	8.032.200.000	(668.067.486)
- Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng <sup>(2)</sup>	-	-	5.782.200.000	(418.067.486)
- Công ty Cổ phần Miền Đông - Cơ khí điện máy <sup>(2)</sup>	2.000.000.000	(678.580.000)	2.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Miền Đông	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	4.634.600.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng <sup>(1)</sup>	4.634.600.000	-	-	-
	<b>10.779.600.000</b>	<b>(928.580.000)</b>	<b>11.927.200.000</b>	<b>(668.067.486)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 01/03/2017, Công ty Cổ phần Miền Đông chuyển nhượng 100.000 cổ phần đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng cho ông Trương Thanh Hùng, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần.  
Trong 06 tháng 2017, Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tăng vốn nhưng Công ty Cổ phần Miền Đông không thực hiện góp thêm vốn nên tỷ lệ lợi ích và quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2017 là 16,01%.

(2) Công ty đang ngừng hoạt động và tiến hành các thủ tục giải thể.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	Thành phố Hồ Chí Minh	35,24%	51,00%	Xây dựng dân dụng - công nghiệp dân dụng
Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Thành phố Hồ Chí Minh	35,24%	51,00%	Xây dựng - Tư vấn công trình dân dụng
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Tỉnh Đồng Nai	34,23%	51,00%	Thi công xây lắp
Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Miền Đông - Cơ khí điện máy	Tỉnh Đồng Nai	40,82%	40,82%	Cơ khí điện máy
Công ty Cổ phần Địa ốc Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Kinh doanh bất động sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem chi tiết Thuyết minh 37

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng	Tỉnh Đồng Nai	16,01%	16,01%	Đầu tư hạ tầng

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản	28.835.722	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	81.251.473	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.015.151	-
	<b>156.102.346</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	761.037.601
Chi phí dự án mỏ đá Tân Mỹ 2 (*)	61.445.808.385	54.312.612.826
Chi phí trả trước dài hạn khác	669.576.553	-
	<b>62.115.384.938</b>	<b>55.073.650.427</b>

(\*) Bao gồm các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (chi phí khảo sát, thăm dò, lập dự toán...), chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng....



15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế Vita	885.830.093	885.830.093	695.783.796	695.783.796
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	1.044.897.042	1.044.897.042	7.174.147.776	7.174.147.776
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	4.046.405.217	4.046.405.217	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Xây dựng Miền Đông 1	3.482.760.077	3.482.760.077	2.663.748.063	2.663.748.063
- Công ty CP Xây dựng Long Giang	822.212.278	822.212.278	822.212.278	822.212.278
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ	1.379.700.790	1.379.700.790	783.296.311	783.296.311
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Ngọc Anh	1.078.963.809	1.078.963.809	541.008.930	541.008.930
- Phải trả các đối tượng khác	7.890.099.408	7.890.099.408	9.063.958.166	9.063.958.166
	<b>20.630.868.714</b>	<b>20.630.868.714</b>	<b>21.744.155.320</b>	<b>21.744.155.320</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>8.587.761.776</b>	<b>8.587.761.776</b>	<b>9.850.897.123</b>	<b>9.850.897.123</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phòng Tài chính kế hoạch TP Biên Hòa - Khu phố 2	2.940.000.000	2.940.000.000
Quý Đầu tư Phát triển Bình Dương	-	2.962.446.269
Công ty CP VNDECO	10.077.073.885	4.868.621.000
Phạm Thị Nhuận	2.606.372.000	1.568.000
Tô Thị Hải	2.670.700.000	-
Phạm Đình Hoàng	2.580.532.000	-
Các đối tượng khác	28.362.756.041	5.828.873.419
	<b>49.237.433.926</b>	<b>16.601.508.688</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.765.892.904	4.963.985.451	3.830.494.972	-	6.899.383.383				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.615.840.997	3.106.620.987	2.647.146.475	-	3.075.315.509				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	83.204.144	19.629.559	50.905.820	-	51.927.883				
Thuế Tài nguyên	-	1.086.505.202	3.477.754.068	3.920.689.817	-	643.569.453				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	12.030.774.823	20.349.264.000	12.000.000.000	-	20.380.038.823				
Các loại thuế khác	-	-	11.558.382	1.000.000	-	10.558.382				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.748.450.758	2.391.649.166	8.212.351.542	-	927.748.382				
	-	<b>28.330.668.828</b>	<b>34.320.461.613</b>	<b>30.662.588.626</b>	-	<b>31.988.541.815</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	880.000.000	880.000.000
Kinh phí công đoàn	1.311.957.676	1.328.948.576
Bảo hiểm xã hội	139.123.583	195.807.806
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.000.000	30.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.296.335.893	133.945.393
Phải trả Hội đồng đền bù khu phố 2	1.393.002.000	1.393.002.000
Phải trả Công ty CP Miền Đông - Cơ khí Điện Máy	1.321.420.000	1.200.000.000
Phải trả các nhà cung cấp của Xí nghiệp Miền Đông 4	522.982.695	522.982.695
Các khoản phải trả, phải nộp khác	947.065.771	1.404.119.657
	<u><u>11.853.887.618</u></u>	<u><u>7.088.806.127</u></u>



**Công ty Cổ phần Miền Đông**

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**19 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai <sup>(1)</sup>	11.997.594.646	11.997.594.646	17.222.927.934	22.234.594.646	6.985.927.934	6.985.927.934
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai <sup>(2)</sup>	39.738.340.458	39.738.340.458	30.903.841.572	53.576.110.535	17.066.071.495	17.066.071.495
	<b>51.735.935.104</b>	<b>51.735.935.104</b>	<b>48.126.769.506</b>	<b>75.810.705.181</b>	<b>24.051.999.429</b>	<b>24.051.999.429</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 2016027KHDN/NHNT ngày 19/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 22.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/03/2017;
- Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Công ty và ký quỹ tiền gửi;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 6.985.927.934 đồng

(2) Hợp đồng tín dụng số 47/2016/378264/HĐTD ngày 05/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty; Quyền sở hữu 29 căn hộ chung cư tại Chung cư Võ Đình, Phường Thới An, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; Quyền khai thác mỏ đá Tân Mỹ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 17.066.071.495 đồng.



**20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh)
Dự phòng phí cấp quyền khai thác khoáng sản(*)	2.330.836.866	2.330.836.866
	<b>2.330.836.866</b>	<b>2.330.836.866</b>

(\*) Dự phòng phải trả phí cấp quyền khai thác đối với sản lượng đá đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến ngày 31/12/2013 theo thông báo của cục thuế tạm thời chưa thu cho đến khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nộp. Khi có quyết định chính thức, Cục thuế sẽ thông báo sau.

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	108.890.310.000	1.453.130.042	1.453.130.042	(2.967.507.603)	27.176.891.803	4.797.533.610	139.350.357.852				
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	3.161.011.797	3.161.011.797				
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(294.672.000)	(294.672.000)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.097.434.300)	(3.097.434.300)				
Số dư cuối kỳ trước	<b>108.890.310.000</b>	<b>1.453.130.042</b>	<b>1.453.130.042</b>	<b>(2.967.507.603)</b>	<b>27.176.891.803</b>	<b>4.566.439.107</b>	<b>139.119.263.349</b>				
Số dư đầu năm nay	108.890.310.000	1.453.130.042	1.453.130.042	(2.967.507.603)	25.576.891.803	5.597.435.899	138.550.260.141				
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	5.057.458.577	5.057.458.577				
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.630.711.000	(1.630.711.000)	-				
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(652.285.000)	(652.285.000)				
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(195.685.000)	(195.685.000)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.162.390.500)	(5.162.390.500)				
Số dư cuối kỳ này	<b>108.890.310.000</b>	<b>1.453.130.042</b>	<b>1.453.130.042</b>	<b>(2.967.507.603)</b>	<b>27.207.602.803</b>	<b>3.013.822.976</b>	<b>137.597.358.218</b>				

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.630.711.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	652.285.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	195.685.000
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	5.162.390.500

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	19,33	21.048.430.000	19,33	21.048.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	-	9,49	10.331.970.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2	9,49	10.331.970.000	-	-
Dương Văn Vinh	13,17	14.343.700.000	12,68	13.809.800.000
Võ Văn Lãnh	5,48	5.964.300.000	5,51	6.002.700.000
Lê Thị Minh	5,22	5.680.500.000	5,31	5.777.800.000
Cổ phiếu quỹ	5,18	5.642.500.000	5,18	5.642.500.000
Các cổ đông khác	42,13	45.878.910.000	42,50	46.277.110.000
	<b>100,00</b>	<b>108.890.310.000</b>	<b>100,00</b>	<b>108.890.310.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	108.890.310.000	108.890.310.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>108.890.310.000</i>	<i>108.890.310.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>108.890.310.000</i>	<i>108.890.310.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.162.390.500	3.097.434.300
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>5.162.390.500</i>	<i>3.097.434.300</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.889.031	10.889.031
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.889.031	10.889.031
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.889.031</i>	<i>10.889.031</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	564.250	564.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>564.250</i>	<i>564.250</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.324.781	10.324.781
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.324.781</i>	<i>10.324.781</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.207.602.803	25.576.891.803
	<b>27.207.602.803</b>	<b>25.576.891.803</b>

KIỂM  
NG T  
HIỆM H  
KIỂM  
AS  
KIỂM -



22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh khai thác đá	46.612.338.941	45.253.450.141
Doanh thu kinh doanh bất động sản	36.909.491.271	23.702.841.740
Doanh thu thi công xây lắp	35.728.710.587	32.923.739.129
Doanh thu khác	32.727.272	50.727.272
	<b>119.283.268.071</b>	<b>101.930.758.282</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>12.646.633.670</b>	<b>11.312.071.243</b>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh khai thác đá	34.208.875.919	34.211.170.580
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	18.779.328.157	19.949.832.521
Giá vốn thi công xây lắp	42.373.908.524	32.683.824.065
Giá vốn hoạt động khác	93.844.170	25.223.014
	<b>95.455.956.770</b>	<b>86.870.050.180</b>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	162.127.228	92.624.479
	<b>162.127.228</b>	<b>92.624.479</b>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.350.809.649	3.062.018.387
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	147.600.000	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	260.512.514	813.370.446
	<b>1.758.922.163</b>	<b>3.875.388.833</b>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.373.102	100.354.743
Chi phí nhân công	516.885.200	504.541.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.084.270	74.762.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.589.729.981	4.256.300.249
Chi phí khác bằng tiền	862.099.280	819.998.142
	<b>6.235.171.833</b>	<b>5.755.956.970</b>



**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	219.990.936	298.687.609
Chi phí nhân công	3.189.697.248	3.013.595.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.338.992	448.123.610
Thuế, phí, lệ phí	34.259.257	52.201.573
Chi phí dự phòng	2.066.282.449	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.934.260	839.882.638
Chi phí khác bằng tiền	246.816.444	265.283.288
	<b>6.796.319.586</b>	<b>4.917.774.253</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	85.445.454	598.702.959
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, căn hộ	297.818.182	-
Thu nhập khác	20.021.301	2.726.000.405
	<b>403.284.937</b>	<b>3.324.703.364</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí khấu hao căn hộ cho thuê	241.659.340	-
Các khoản bị phạt	958.589.929	10.256.373
Chi phí khác	237.981.051	39.838.622
	<b>1.438.230.320</b>	<b>50.094.995</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.426.334.795)	289.775.408
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.899.354	26.722.423
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(6.410.435.441)	316.497.831
Chuyển lỗ năm trước	-	(484.953.622)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(6.410.435.441)	(168.455.791)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	14.590.414.359	3.589.045.486
- Các khoản điều chỉnh tăng	942.690.575	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	15.533.104.934	3.589.045.486
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành của HĐKD BĐS	3.106.620.987	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.106.620.987</b>	<b>717.809.097</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.106.620.987</b>	<b>717.809.097</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.615.840.997	1.966.445.679
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.647.146.475)	(1.966.446.337)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.075.315.509</b>	<b>717.808.439</b>

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (*)	8.230.377.958	8.230.377.958
	<b>8.230.377.958</b>	<b>8.230.377.958</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017, Đại hội đồng cổ đông thông qua giải pháp xử lý khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau: Cho phép Hội đồng Quản trị chủ động lập kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo (2018-2019), nếu kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo mà lợi nhuận không đủ bù đắp thuế TNDN hoãn lại thì được phép sử dụng quỹ đầu tư phát triển để xử lý phần chênh lệch.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.171.657.078	19.862.338.116
Chi phí nhân công	5.414.477.467	6.718.285.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.636.988.625	1.427.435.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.159.009.717	33.745.380.178
Chi phí khác bằng tiền	35.908.744.860	11.739.984.074
	<b>106.290.877.747</b>	<b>73.493.424.288</b>

### 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	46.487.486.329	-	21.486.136.562	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	69.320.129.649	(9.919.396.289)	56.102.202.656	(8.167.154.194)
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	17.500.000.000	-
	<b>118.307.615.978</b>	<b>(9.919.396.289)</b>	<b>95.088.339.218</b>	<b>(8.167.154.194)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			24.051.999.429	51.735.935.104
Phải trả người bán, phải trả khác			32.484.756.332	28.832.961.447
Chi phí phải trả			5.821.606	339.048.000
			<b>56.542.577.367</b>	<b>80.907.944.551</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.487.486.329	-	-	46.487.486.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.424.613.618	976.119.742	-	59.400.733.360
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
	<b>107.412.099.947</b>	<b>976.119.742</b>	<b>-</b>	<b>108.388.219.689</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.486.136.562	-	-	21.486.136.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.052.555.818	882.492.644	-	47.935.048.462
Các khoản cho vay	17.500.000.000	-	-	17.500.000.000
	<b>86.038.692.380</b>	<b>882.492.644</b>	<b>-</b>	<b>86.921.185.024</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	24.051.999.429	-	-	24.051.999.429
Phải trả người bán, phải trả khác	32.484.756.332	-	-	32.484.756.332
Chi phí phải trả	5.821.606	-	-	5.821.606
	<b>56.542.577.367</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.542.577.367</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	51.735.935.104	-	-	51.735.935.104
Phải trả người bán, phải trả khác	28.832.961.447	-	-	28.832.961.447
Chi phí phải trả	339.048.000	-	-	339.048.000
	<b>80.907.944.551</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.907.944.551</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.126.769.506	73.811.903.036

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	75.810.705.181	82.312.175.350

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh khai thác đá VND	Thị công xây lắp VND	Kinh doanh bất động sản VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	46.612.338.941	35.728.710.587	36.909.491.271	32.727.272	119.283.268.071
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12.403.463.022</b>	<b>(6.645.197.937)</b>	<b>18.130.163.114</b>	<b>(61.116.898)</b>	<b>23.827.311.301</b>
Tài sản bộ phận	116.533.169.996	34.078.718.423	62.059.272.679	-	212.671.161.098
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	58.535.697.859
<b>Tổng tài sản</b>	<b>116.533.169.996</b>	<b>34.078.718.423</b>	<b>62.059.272.679</b>	<b>-</b>	<b>271.206.858.957</b>
Nợ phải trả bộ phận	9.104.171.843	34.833.032.991	54.998.349.182	38.181.822	98.973.735.838
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	42.866.142.859
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9.104.171.843</b>	<b>34.833.032.991</b>	<b>54.998.349.182</b>	<b>38.181.822</b>	<b>141.839.878.697</b>

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>12.646.633.670</b>	<b>11.312.071.243</b>
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	12.646.633.670	11.296.736.243
- Công ty CP Miền Đông - Cơ khí điện máy	Công ty liên kết	-	15.335.000
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>30.823.924.933</b>	<b>28.238.392.224</b>
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	Công ty con	8.834.708.321	2.631.000
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	8.414.760.065	14.412.333.514
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Công ty con	1.869.762.697	9.786.371.650
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Công ty con	11.563.635.673	-
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	141.058.177	4.037.056.060
<b>Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ</b>		<b>-</b>	<b>1.240.000.000</b>
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Công ty con	-	500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Công ty con	-	740.000.000
<b>Cho thuê nhà, kho</b>		<b>79.090.908</b>	<b>50.727.272</b>
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Công ty con	23.181.818	18.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Công ty con	23.181.818	-
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	Công ty con	16.363.636	16.363.636
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	16.363.636	16.363.636
<b>Chia cổ tức</b>		<b>1.052.421.500</b>	<b>631.452.900</b>
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	1.052.421.500	631.452.900
<b>Chi phí bảo lãnh</b>		<b>-</b>	<b>17.466.363</b>
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	-	17.466.363

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>7.690.000.830</b>	<b>10.053.341.341</b>
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	7.690.000.830	10.053.341.341
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>4.095.509.122</b>	<b>3.684.787.780</b>
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	-	2.187.830.854
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Công ty con	4.095.509.122	1.496.956.926



	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>148.124.767</b>	<b>273.235.222</b>
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	114.096.989	97.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Công ty con	-	38.194.444
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 3	Công ty con	34.027.778	138.040.778
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>8.587.761.776</b>	<b>9.850.897.123</b>
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Miền Đông 2	Công ty con	1.044.897.042	7.174.147.776
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	4.046.405.217	-
- Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Miền Đông 1	Công ty con	3.482.760.077	2.663.748.063
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	13.699.440	13.001.284
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		<b>2.373.841.500</b>	<b>1.636.363.636</b>
- Công ty TNHH Xây dựng - Tư vấn công trình Miền Đông 9	Công ty con	-	436.363.636
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	1.052.421.500	-
- Công ty CP Miền Đông- Cơ khí điện Máy	Công ty liên kết	1.321.420.000	1.200.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		338.058.366	384.051.724

### 38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM soát xét.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố và trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính riêng kỳ này VND	Trình bày trên báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>				
Phải thu về cho vay	135	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.942.609.023	6.442.609.023	(2.500.000.000)



	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính riêng kỳ này VND	Trình bày trên báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
<b>Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)</b>				
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	2.330.836.866	-	2.330.836.866
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.597.435.899	7.928.272.765	(2.330.836.866)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	(925.409.556)	1.405.427.310	(2.330.836.866)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	6.522.845.455	6.522.845.455	-
<b>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng</b>				
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.402.077.274	(530.815.400)	3.932.892.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.966.446.337)	1.966.446.337	(3.932.892.674)

Người lập

Khúc Thị Thanh Hoài

Kế toán trưởng

Mai Xuân Ngợi

Đồng Nai, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thái

